

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **206/2018/DS-PT**
Ngày: 15-11-2018
V/v tranh chấp: “Quyền sử
dụng đất và yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Hải
Các Thẩm phán : Ông Hoàng Ngọc Linh
: Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 158/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 266/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị H , sinh năm 1963, địa chỉ cư trú: xã Đ huyện A , tỉnh A .

- **Bị đơn:** Bà Hứa Thị Kim A , sinh năm 1951, địa chỉ cư trú: xã Đ huyện A , tỉnh A .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên:

- 1/. Ông Trần Thanh P , sinh năm 1963
 - 2/. Bà Trần Thị Thanh T , sinh năm 1988
 - 3/. Bà Trần Thị Thanh T , sinh năm 1994
 - 4/. Ông Lê Văn C , sinh năm 1988
- Cùng địa chỉ cư trú: xã Đ huyện A , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H , ông Trần Thanh P , bà Trần Thị Thanh T , bà Trần Thị Thanh T , ông Lê Văn C là ông Trần Thanh N , sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: xã Đ huyện A , tỉnh A .

. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018)

(Bà A , ông N có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Bà Hứa Thị Kim A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày: Bà hiện đang ở và sử dụng phần đất có diện tích ngang 4,5 m dài khoảng 20 m, qua kết quả đo đạc hiện trạng thì phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m², phần nhà và đất trên bà ở và sử dụng ổn định từ năm 1971 đến nay, nay bà đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phía bà A đứng ra ngăn cản không cho bà đăng ký, bà khởi kiện yêu cầu bà A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Bị đơn bà Hứa Thị Kim A trình bày: Nguồn gốc đất là của anh chồng tên Đào Văn N mua cho cha, mẹ chồng ông Đào Văn K , chết năm 1976, bà Lê Thị L , chết năm 1980, hiện nay đất vẫn chưa được cấp giấy, chồng bà A là ông Đào Văn B chết năm 1980 hiện nay bà Anh sống với chồng sau là ông Lê Văn T . Bà A cho rằng đất này là do chồng bà ông Đào Văn B có công nuôi mẹ nên được cha mẹ để lại nhưng không có di chúc, nay bà có nhiều con nên bà không đồng ý để bà H được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước đây bà có khởi kiện yêu cầu bà A phải trả lại đất nhưng tòa án mời bà làm việc và nộp tạm ứng án phí nhưng bà không nộp nên Tòa án đã trả đơn lại cho bà. Nay bà H yêu cầu bà chấm dứt hành vi cản trở và yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất bà không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H .

Buộc bà Hứa Thị Kim A chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị H , Theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A thể hiện phần đất phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m².

Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của bà H Tuy nhiên bà Ngô Thị H được quyền tiếp tục sử dụng phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m² theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A ,

Bà Ngô Thị H được liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, nếu như đất, nhà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 19/6 và ngày 12/8/2018, bà Hứa Thị Kim A có đơn kháng cáo quá hạn và đã được xem xét chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Bà kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì đất tranh chấp này là đất bà được anh chồng cho lại, nên đây là đất của bà.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn bà Hứa Thị Kim A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Hứa Thị Kim A là kháng cáo quá hạn và đã được Hội đồng phúc thẩm họp xét chấp nhận việc kháng cáo quá hạn nên kháng cáo này là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Kim A kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Hứa Thị Kim A là bị đơn trong vụ án kháng cáo có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Xét kháng cáo của bà Hứa Thị Kim A, thấy: Theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A thể hiện phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m², đây là phần đất và nhà thực tế bà Hà đang là người trực tiếp quản lý và sử dụng. Bà H cũng được UBND xã Đ và những người dân sống lân cận xác nhận bà đã sử dụng phần diện tích đất và nhà nêu trên từ trước năm 2004. Ngoài ra, bà H còn cung cấp được các biên lai nộp thuế nhà đất vào các năm 1996, 1997, 2000 và UBND huyện A có Công văn cho rằng phần đất này không nằm trong vùng quy hoạch công trình, dự án phát triển kinh tế xã hội, người dân có quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đủ điều kiện được quy định định tại

Điều 100, 101 Luật đất đai 2013. Bà Kim A kháng cáo cho rằng phần đất bà H đang sử dụng là đất bà A được anh chồng cho lại, nhưng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ngoài lời trình bày bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là phần đất thuộc quyền sử dụng của bà. Do đó cấp sơ thẩm đã xử buộc bà Hứa Thị Kim A chấm dứt hành vi cản trở kê khai đăng ký, đo đạc quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị H, Theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A thể hiện phần đất phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m². Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của bà H. Tuy nhiên bà Ngô Thị H được quyền tiếp tục sử dụng phần đất ở các điểm 3,6,13,12 diện tích 69,9 m², phần nhà ở các điểm 4,5,15,14,11,10,9,8,7 diện tích 62,3 m² theo kết quả đo đạc ngày 26/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A. Bà Ngô Thị H được liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, nếu như đất, nhà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Mặc khác, ngày 20/7/2018 UBND xã Đ có xác nhận trong tờ tường trình ngày 14/7/2018 của bà Kim A với nội dung: “Bà Hứa Thị Kim A, sinh năm 1951, thường trú tại xã Đ là thật”, tại đây không thể hiện nội xác nhận là đất của anh chồng cho lại bà A và bà A là người được quyền sử dụng phần đất này. Do đó, kháng cáo của bà Kim A không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Giữ y bản án sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Bà Hứa Thị Kim A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hứa Thị Kim A ;
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh A. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.
- Án phí: Bà Hứa Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009257 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh A.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh A (1)
- TAND huyện A (1)
- THA huyện A (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh A (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh A (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

Trần Minh Hải